TOÀ ÁN NH DÂN **THỊ XÃ HƯƠNG TRÀ** TỈNH THỪA THIÊN HUẾ	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 43/2023/QĐST-HNGĐ	*Hương Trà, ngày 25 tháng 5 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NH DÂN THỊ XÃ HƯƠNG TRÀ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nH và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 50/2023/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2023 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Anh **Trần Kiêm T**, sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ dân phố S 2, phường Hương Vân, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ dân phố 9, phường T, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nH: Anh Trần Kiêm T và chị Nguyễn Thị H đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T, huyện Hương Trà nay là phường T, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 24/5/2011 nên là hôn nH hợp pháp. Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét việc thuận tình ly hôn của anh T, chị H trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 5 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên cần công nhận thuận tình ly hôn của anh T, chị H.

[2] Về con chung: Anh Trần Kiêm T và chị Nguyễn Thị H có 03 người con chung tên là Trần Kiêm Bảo N, sinh ngày 19/9/2012; Trần Kiêm Bảo H, sinh ngày 03/6/2014; Trần Kiêm Bảo C, sinh ngày 23/01/2019. Anh T, chị H thỏa thuận là giao 03 cháu Trần Kiêm Bảo N, Trần Kiêm Bảo H, Trần Kiêm Bảo C cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi; anh

Trần Kiêm T cấp dưỡng cho cháu Trần Kiêm Bảo N mỗi tháng 2.000.000 đồng, cấp dưỡng cho cháu Trần Kiêm Bảo H mỗi tháng 2.000.000 đồng, cấp dưỡng cho cháu Trần Kiêm Bảo C mỗi tháng 2.000.000 đồng (cấp dưỡng cho 03 cháu mỗi tháng 6.000.000 đồng).

Thời hạn nuôi con và thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tính từ ngày Quyết định này có hiệu lực pháp luật cho đến khi lần lượt các cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Xét việc thỏa thuận của anh T, chị H là tự nguyện, không trái pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của con nên được chấp nhận.

[3] Về T sản chung, nợ chung: Anh Trần Kiêm T và chị Nguyễn Thị H không yêu cầu nên Toà án không pH giải quyết.

[4] Về lệ phí toà án: Anh Trần Kiêm T và chị Nguyễn Thị H mỗi người pH chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết ly hôn.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nH: Anh Trần Kiêm T và chị Nguyễn Thị H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Trần Kiêm Bảo N, sinh ngày 19/9/2012; Trần Kiêm Bảo H, sinh ngày 03/6/2014 và Trần Kiêm Bảo C, sinh ngày 23/01/2019 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi; anh Trần Kiêm T cấp dưỡng cho cháu Trần Kiêm Bảo N mỗi tháng 2.000.000 đồng, cấp dưỡng cho cháu Trần Kiêm Bảo H mỗi tháng 2.000.000 đồng, cấp dưỡng cho cháu Trần Kiêm Bảo C mỗi tháng 2.000.000 đồng (cấp dưỡng cho 03 cháu mỗi tháng 6.000.000 đồng).

Thời hạn nuôi con và thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tính từ ngày Quyết định này có hiệu lực pháp luật cho đến khi lần lượt các cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về T sản chung và nợ chung: Anh Trần Kiêm T và chị Nguyễn Thị H không yêu cầu nên Toà án không pH giải quyết.

2. Về lệ phí ly hôn: Anh Trần Kiêm T và chị Nguyễn Thị H pH chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), mỗi người chịu 150.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng lệ phí 300.000 đồng theo Biên lai số 0001539 ngày 07/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Trà, nên không pH nộp thêm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền pH trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên pH thi hành án còn pH chịu khoản tiền lãi của số tiền còn pH thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh TT. Huế;*
- *VKSND TX. Hương Trà;*
- *Chi cục THADS TX. Hương Trà;*
- *UBND phường T;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu dán;*
- *Lưu hồ sơ.*

THẨM PHÁN

Mai Thị Mộng Trinh